

Số: 63/2026/QĐST-HNGĐ

Ninh Bình, ngày 15 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 83/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Đinh Công T, sinh năm 1986.

Căn cước công dân số: 037086005125 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C cấp ngày 12/7/2021.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Ninh Bình.

**Bị đơn:** Chị Lê Thị T1, sinh năm 1988.

Căn cước công dân số: 037188001458 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C cấp ngày 12/7/2021.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 5, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2026.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Công T và chị Lê Thị T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Công T và chị Lê Thị T1 thuận tình ly

hôn.

**2.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:**

Anh Đinh Công T, chị Lê Thị T1 xác định anh chị có 03 con chung là các cháu Đinh Thị T2, sinh ngày 26/02/2011; Đinh Thị Phương V, sinh ngày 19/4/2013 và cháu Đinh Công T3, sinh ngày 05/02/2016. Hiện 02 cháu T2 và Phương V đang ở với chị T1 còn cháu Công T3 đang ở với anh T. Sau khi ly hôn, anh Đinh Công T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Công T3; chị Lê Thị T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Đinh Thị T2 và Đinh Thị Phương V cho đến khi các cháu T2, Phương V và Công T3 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đinh Công T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đinh Thị T2 và Đinh Thị Phương V cho chị Lê Thị T1 mỗi tháng là 1.000.000đ/01 cháu, kể từ tháng 5/2026 cho đến khi cháu T2 và Phương V đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Lê Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đinh Công T không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**2.3. Về tài sản chung, công nợ chung:** Anh Đinh Công T, chị Lê Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Anh Đinh Công T nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Ninh Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001291 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 3 - Ninh Bình;
- UBND xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**NGUYỄN THỊ HẰNG**